

PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TRONG CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG SỐ

PHAN LÊ NGỌC CHÂU*

Những năm gần đây, hầu hết các ngân hàng tại Việt Nam đã có những bước đầu tư nghiêm túc trong việc mở rộng các dịch vụ ngân hàng số để phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Tuy nhiên, còn thiếu những cảnh báo về tác động bất lợi của tiến bộ công nghệ nói chung, đặc biệt là trong việc bảo mật thông tin khách hàng. Bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của hoạt động bảo mật thông tin khách hàng trong các định vụ ngân hàng số ở Việt Nam, trên cơ sở phân tích các vấn đề về thông lệ, quy định quốc tế về bảo mật thông tin khách hàng trong các dịch vụ ngân hàng số; đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp pháp lý ở Việt Nam.

Từ khóa: Pháp luật; bảo mật thông tin khách hàng; dịch vụ ngân hàng số; hoạt động ngân hàng.

In recent years, most banks in Vietnam have made serious investments in expanding digital banking services to better serve the needs of customers. However, there is a lack of warnings about the detrimental effects of technological progress in general, especially in the security of customer information. The article emphasizes the importance of customer information security in digital banking services in Vietnam, on the basis of analyzing issues of international practices and regulations on customer information security in digital banking services, assessing the current situation and proposing legal solutions in Vietnam.

Keywords: Law; customer information security; digital banking services; banking operations.

NGÀY NHẬN: 17/5/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 16/6/2024

NGÀY DUYỆT: 16/7/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.342.2024.907>

1. Đặt vấn đề

Ngân hàng số đóng vai trò quan trọng trong tiến trình chuyển đổi số của quốc gia. Từ đó đặt ra yêu cầu quan trọng trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề liên quan đến bảo mật thông tin ngân hàng, bảo đảm uy tín thương hiệu và phòng ngừa tội phạm.

Tại Việt Nam, thời gian qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của của khoa học - công nghệ và truyền thông, nhiều dịch vụ ngân hàng mới đã được triển khai, có sự phù hợp

với xu thế thanh toán của các nước trong khu vực và trên thế giới. Sự phát triển các dịch vụ đó làm cho các hành vi khai thác thông tin cũng tinh vi hơn, các nguy cơ xâm phạm bí mật thông tin của khách hàng trong hoạt động ngân hàng càng trở nên phổ biến và đe dọa đến việc bảo mật thông tin khách hàng. Do vậy, nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của hoạt động bảo mật thông tin khách

* ThS, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

hàng, *Luật Các tổ chức tín dụng* xác định rõ đây là nghĩa vụ mà tổ chức tín dụng phải triệt để tuân thủ và là một trong những tiêu chí xác định mức độ bảo đảm an toàn trong cung ứng dịch vụ ngân hàng. Trường hợp tổ chức tín dụng không thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng thì có thể bị tạm ngừng hoạt động (điểm b khoản 9 Điều 28 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng). Trước biến đổi nhanh của tình hình thực tế về tính đan xen, phức tạp của các quan hệ liên quan đến lĩnh vực tín dụng, ngân hàng; sự phát triển của công nghệ thông tin; hiệu quả quản trị nội bộ của tổ chức tín dụng và yêu cầu về quản lý nhà nước, sự đồng bộ, thống nhất, khả thi trong thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng cần được nghiên cứu hoàn thiện.

2. Vai trò của pháp luật trong bảo mật thông tin khách hàng của hoạt động ngân hàng

Bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng là vấn đề đa chiều, vì liên quan đến lợi ích của khách hàng, nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng và các bên thứ ba muốn tiếp cận thông tin đó để đáp ứng các mục đích của họ. Chính vì vậy, pháp luật ngân hàng phải là phương tiện để Nhà nước điều hòa lợi ích giữa các chủ thể có liên quan, bảo đảm cho xã hội phát triển hài hòa và ổn định. Pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng phải thể hiện được các vai trò dưới đây:

Thứ nhất, phải ghi nhận và bảo vệ quyền riêng tư của khách hàng trong lĩnh vực tài chính. Thực tế, ngân hàng sẽ biết được thông tin liên quan đến nghề nghiệp, tuổi tác, tình trạng hôn nhân của khách hàng, thói quen tiêu dùng... và những thông tin khác.

Thông thường bí mật thông tin của khách hàng là cá nhân và khách hàng là tổ chức được các tổ chức tín dụng bảo mật bằng những quy định pháp luật như nhau.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp thông tin riêng tư về tài chính của khách hàng là cá nhân thì nhạy cảm, dễ bị tổn thương và đáng được pháp luật bảo vệ đặc biệt hơn.

Thứ hai, thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Các tổ chức tín dụng không thể hoạt động hiệu quả nếu không có thông tin đầy đủ của khách hàng: (1) Thông tin được sử dụng nhằm phục vụ trực tiếp trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng (cung cấp dịch vụ tiết kiệm, tên, địa chỉ và các thông tin định danh khác của khách hàng); (2) Thông tin của khách hàng được tổ chức tín dụng tham khảo để phòng tránh các rủi ro hoạt động, rủi ro tín dụng (có khả năng phân tích thông tin về lịch sử tín dụng của người xin cấp tín dụng để giảm rủi ro của nợ quá hạn và thu hồi nợ hiệu quả); (3) Thông tin của khách hàng được tổ chức tín dụng sử dụng nhằm mục tiêu quảng bá, tiếp thị các sản phẩm tài chính nhất định một cách dễ dàng, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí (đây là một biện pháp hợp lý để các tổ chức tín dụng có thể tồn tại trong thời điểm cạnh tranh cao).

Thứ ba, hỗ trợ tư pháp và thực thi pháp luật. Việc cung cấp thông tin khách hàng trong trường hợp này nhằm: (1) Hỗ trợ trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến thừa kế, ly hôn, cung cấp những chứng cứ giải quyết trong thủ tục phá sản hoặc cung cấp chứng cứ trong tố tụng hình sự...; (2) Làm ngăn chặn tình trạng tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng, như thông qua việc lợi dụng những quy định về bảo mật thông tin khách hàng, bọn tội phạm đã chuyển những khoản tiền phi pháp có nguồn gốc từ buôn bán ma túy, tài trợ khủng bố, mua bán vũ khí bất hợp pháp, trốn thuế... vào hệ thống tài chính để biến số tiền đó thành hợp pháp và từ các khoản tiền đã được “làm sạch” đó; (3) Các cơ quan quản lý cần có thông tin ngân hàng để giám sát hiệu quả trong một số lĩnh vực, từ đó xử lý kịp thời các rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng, vi phạm quy định

an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Thứ tư, hợp tác quốc tế trong việc phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia. Kỷ nguyên toàn cầu hóa, tự do hóa các thị trường tài chính như hiện nay đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm tội phạm có tổ chức quốc tế, sử dụng bí mật ngân hàng nước ngoài để che giấu tài sản và tiền thu được bất hợp pháp hoặc để tránh các nghĩa vụ thuế. Do vậy, một cơ chế luật pháp về bảo mật thông tin khách hàng hiệu quả cần phải có khả năng tăng cường hợp tác quốc tế để chống lại tội phạm xuyên quốc gia.

Thứ năm, bảo vệ chủ quyền quốc gia trên thông tin của tổ chức tín dụng. Bên cạnh sự cần thiết phải hợp tác quốc tế, bảo mật thông tin khách hàng trong hợp đồng ngân hàng cũng liên quan đến chủ quyền quốc gia. Trong một số trường hợp, lợi ích quốc gia có thể yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt tính bí mật thông tin của các tổ chức tín dụng.

3. Khung pháp lý về bảo mật dữ liệu khách hàng trong dịch vụ ngân hàng số

Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản hướng dẫn liên quan quy định thông tin tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin do khách hàng cung cấp, thông tin phát sinh trong quá trình khách hàng đề nghị hoặc được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng các nghiệp vụ ngân hàng, sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động được phép. Điều này cho thấy, pháp luật Việt Nam đã thừa nhận việc bảo mật thông tin trước khi hình thành mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng. Theo điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 của Chính phủ quy định về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là bảo đảm an toàn, bí mật thông tin khách hàng trong quá trình cung cấp, quản lý, sử dụng, lưu trữ thông tin khách hàng và nghĩa vụ bảo mật thông tin

khách hàng của tổ chức tín dụng không giới hạn về thời gian. Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP quy định: thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được giữ bí mật và chỉ được cung cấp theo quy định của *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nay được thay thế bởi *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024.

Tiếp theo, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ quy định chủ thể có quyền được biết về việc xử lý dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp *Luật* khác có quy định khác (khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 9); chủ thể có quyền không đồng ý xử lý dữ liệu cá nhân của mình (khoản 2 Điều 9); chủ thể có quyền xóa, truy cập, yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu, phản đối xử lý dữ liệu, trừ trường hợp *Luật* khác có quy định khác (Điều 9). Trong hoạt động cung cấp dịch vụ bên phía ngân hàng, đối với việc xử lý dữ liệu cá nhân, tác động tới dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan được coi là bắt buộc (để cung cấp dịch vụ cho khách hàng và bảo đảm an toàn cũng như quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động ngân hàng). Do vậy, với quy định Nghị định số 13/2023/NĐ-CP sẽ vướng mắc nếu áp dụng cứng nhắc và không có hướng dẫn thống nhất áp dụng.

Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đã quy định rõ tổ chức tín dụng có nghĩa vụ bảo mật thông tin liên quan như sau:

Một là, tổ chức tín dụng cung cấp thông tin của khách hàng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật:

(1) Tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin khách hàng cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp những tài liệu, đồ

vật, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án. Vấn đề này cũng được quy định tại khoản 2 Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Tương tự như trong tố tụng dân sự, các đương sự trong tố tụng hành chính cũng có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Đồng thời, khoản 4 Điều 20 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định chấp hành viên có quyền xác minh tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu để xác minh địa chỉ, tài sản của người phải thi hành án hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan xử lý vật chứng, tài sản và những việc khác liên quan đến thi hành án.

(2) Tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin khách hàng cho cơ quan thanh tra. Căn cứ tính chất của quyền trong hoạt động thanh tra, được quy định tại Luật Thanh tra năm 2010 là quyền yêu cầu. Trong quá trình thanh tra, khi xét thấy cần thiết, thủ trưởng các cơ quan thanh tra, thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước mà trực tiếp là người ra quyết định thanh tra; trưởng đoàn thanh tra; thành viên đoàn thanh tra; người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được quyền đưa ra các yêu cầu, đòi hỏi với đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện một hoặc một số công việc nhất định trong khuôn khổ pháp luật quy định để thực hiện nhiệm vụ thanh tra (khoản 1 Điều 66 Luật Thanh tra năm 2022).

(3) Tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin khách hàng theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản 2 Điều 12 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan

hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Tại khoản 2 Điều 41 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022: “Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông tin, hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này” và khoản 6 Điều 11 Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

Với những nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 4 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tiền tệ ngân hàng, thực thi chính sách tiền tệ và giám sát hệ thống các tổ chức tín dụng. Trong đó, cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng là bộ phận trực tiếp giám sát các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo...

(4) Tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin khách hàng liên quan đến hoạt động kiểm toán. Một trong những quyền hạn của Kiểm toán nhà nước là yêu cầu đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ cho việc kiểm toán (khoản 2 Điều 11 Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015). Mục đích của hoạt động kiểm toán nhà nước là nhằm bảo đảm và nâng cao quyền lực của Nhà nước, bảo đảm sự lành mạnh của tài chính nhà nước, đồng thời giúp các đơn vị được kiểm toán có cái nhìn toàn diện và đúng đắn hơn về thực trạng tài chính, về chất lượng công tác quản lý kinh tế tài chính, kịp thời phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý kinh tế, tiền và tài sản của Nhà nước.

(5) Tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin khách hàng liên quan đến quy định về thuế. Cơ quan quản lý thuế (khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý thuế năm 2019) có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định

nghĩa vụ thuế và phối hợp với cơ quan quản lý thuế để thực hiện pháp luật về thuế; kiểm tra thuế, thanh tra thuế... Điểm a khoản 2 Điều 98 *Luật Quản lý thuế* năm 2019 được cụ thể hóa tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều *Luật Quản lý thuế*. Theo quy định của các văn bản này thì cơ quan thuế, cơ quan hải quan cũng có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin khách hàng nhằm phục vụ cho việc thu thập xử lý thông tin, kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan quản lý thuế.

(6) Tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin khách liên quan đến quá trình giải quyết việc phá sản. Cụ thể, tại khoản 1 Điều 7 *Luật Phá sản* năm 2014 đã quy định: “Cá nhân, cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc phá sản có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc phá sản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận”. Với quy định này thì chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến tài sản phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ phải có nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan đến tài sản cho các chủ thể trên.

Hai là, tổ chức tín dụng cung cấp thông tin của khách hàng khi được sự đồng ý của khách hàng. Tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP quy định: tổ chức tín dụng chỉ được cung cấp thông tin khách hàng cho tổ chức khác, cá nhân thuộc trường hợp có chấp thuận của khách hàng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo thỏa thuận với khách hàng. Đồng thời, khẳng định rõ trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm cung cấp thông tin khách hàng cho chính khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng đó.

Ngoài ra, nhằm nhấn mạnh nghĩa vụ bảo mật các thông tin khách hàng khi khách hàng thực hiện các giao dịch trên ngân hàng số (các giao dịch ngân hàng bằng hình thức trực tuyến thông qua Internet), các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin xác thực khách hàng khi truy cập các dịch vụ ngân hàng, bao gồm mã khóa bí mật, dữ liệu sinh trắc học, mật khẩu truy cập của khách hàng, thông tin xác thực khách hàng khác cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, trừ trường hợp được sự chấp thuận của khách hàng đó bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo thỏa thuận với khách hàng đó.

4. Đề xuất các giải pháp pháp lý ở Việt Nam

Thứ nhất, pháp luật ngân hàng cần bổ sung trường hợp tổ chức tín dụng có thể cung cấp thông tin khách hàng theo yêu cầu của người thừa kế và người đại diện hợp pháp của khách hàng trong trường hợp giám hộ. Đồng thời hướng dẫn cụ thể phạm vi thông tin khách hàng mà tổ chức tín dụng có thể cung cấp trong những trường hợp này tại khoản 3 Điều 13 *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024.

Thứ hai, *Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam* năm 2010 và *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024 đã có quy định việc các tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh cho Ngân hàng Nhà nước và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định Điều 12 *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024. Tuy nhiên, Nghị định số 117/2018/NĐ-CP hướng dẫn việc cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng cho các cơ quan có thẩm quyền chưa đề cập trường hợp này. Rõ ràng, việc tổ chức tín dụng cung cấp thông tin khách hàng cho những mục đích này cũng ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng, do vậy nên chăng cũng cần được bổ sung hướng dẫn cụ thể trong Nghị định này.

Thứ ba, pháp luật ngân hàng cần hướng dẫn rõ như thế nào, trong trường hợp nào, bằng hình thức nào được coi là có sự chấp thuận khác của khách hàng và tổ chức tín dụng để các tổ chức tín dụng có thể cung cấp thông tin cho các chủ thể có liên quan mà không vi phạm quyền của khách hàng, cũng như có thể bảo vệ nhân viên ngân hàng trong trường hợp cung cấp thông tin khách hàng khi được khách hàng yêu cầu thông qua các thông điệp dữ liệu, từ đó tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh sau này.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ số của Chính phủ trên cơ sở để hỗ trợ ngân hàng trong việc đối chiếu thông tin chủ thể thực hiện mở tài khoản ngân hàng được chính xác, cần có sự cho phép từ phía cơ quan quản lý nhà nước cho phép ngân hàng được truy cập, kết nối vào cơ sở dữ liệu về dân cư quốc gia nhằm đối chiếu thông tin khách hàng cung cấp trên thẻ Căn cước công dân có gắn chip để xác thực tính hợp danh của khách hàng sử dụng dịch vụ. Mặc dù Công văn số 7262/NHNN-TT ngày 17/10/2022 của Ngân hàng Nhà nước đã quy định các tổ chức tín dụng phải nghiên cứu kết nối, sử dụng tài khoản định danh điện tử của khách hàng (qua ứng dụng điện tử VneID) để xác thực. Qua thử nghiệm ứng dụng VneID trong quá trình quyết định cho vay, xác định lãi suất của các khoản vay, xin việc làm, mua và thuê nhà, mua và thuê ô tô, mua sản phẩm bảo hiểm, mua các sản phẩm viễn thông, sử dụng các dịch vụ công, và một số lĩnh vực khác tại Công ty tài chính TNHH MB Shinei, Ngân hàng Pvccombank và Công ty Datanest cho thấy giảm tỷ lệ rủi ro khi cho vay vốn và cho vay của các ngân hàng và tổ chức tín dụng từ 7 - 20%. Sau khi thử nghiệm các ngân hàng đều có mong muốn được triển khai chính thức trên quy trình cho vay của ngân hàng¹.

5. Kết luận

Hoạt động bảo mật thông tin khách hàng trong các dịch vụ ngân hàng số của Việt Nam

là vấn đề mang tính cấp thiết về mặt lý luận cũng như về mặt thực tiễn. Vấn đề này đặt ra những thách thức không nhỏ với các nhà làm luật tại Việt Nam, đặc biệt là đối với tình hình kinh tế hội nhập hiện nay tạo điều kiện hoàn cảnh cho các hành vi vi phạm pháp luật ngày càng nhiều. Điều này cho thấy, những quy định, chính sách và luật lệ liên quan đến bảo mật thông tin khách hàng trong các dịch vụ số phải ngày càng tương thích với việc cung ứng dịch vụ, sản phẩm của tổ chức tín dụng qua nhiều quy trình, sản phẩm. Trên tinh thần chặt chẽ của hành lang bảo mật thông tin khách hàng, những doanh nghiệp và xã hội sẽ có niềm tin hơn trong việc phát triển kinh tế bền vững, giảm thiểu rủi ro liên quan đến hoạt động tài chính ngân hàng hiện nay □

Chú thích:

1. Phạm Vinh (2023). *Ứng dụng dữ liệu dân cư đánh giá khả tín, giúp giảm rủi ro cho vay đến 20%*. <https://vneconomy.vn>, ngày 08/8/2023.

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2018). *Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 quy định về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*.

2. Chính phủ (2023). *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 bảo vệ dữ liệu cá nhân*.

3. Chính phủ (2023). *Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền*.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2022). *Công văn số 7262/NHNN-TT ngày 17/10/2022 về việc nghiên cứu ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử trong một số hoạt động ngân hàng*.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2023). *Thông tư số 15/2023/TT-NHNN ngày 05/12/2023 quy định hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*.

6. Quốc hội (2010, 2024). *Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024*.